

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-QLCS&TH
V/v xin ý kiến Đề cương chi tiết dự
thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết
09/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018
của HĐND tỉnh

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2021

Kính gửi:

- Các Sở, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện kế hoạch xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (gọi tắt là Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND),

Hiện nay, Sở Tài chính đang xây dựng dự thảo nghị quyết thay thế Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND. Để đảm bảo công tác tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết theo quy định, Sở Tài chính đề nghị các đơn vị (như kính gửi) nghiên cứu, cho ý kiến bằng văn bản vào Đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND gửi về Sở Tài chính **trước ngày 30/9/2021** để tổng hợp, chỉnh sửa, trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

(Đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND gửi kèm)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công thông tin điện tử của tỉnh Bắc Giang (đăng tải xin ý kiến);
- Công thông tin điện tử của Sở Tài chính (đăng tải xin ý kiến);
- GD, các PGĐ sở;
- Lưu: VT, QLCS&TH._{Xuyên}.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thùy Linh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

QUY ĐỊNH

Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHƯƠNG I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua, thuê, cho thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Những nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, văn phòng huyện ủy, thành ủy (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là các Sở, ban, tổ chức, đơn vị hoặc tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện là tất cả các cơ quan (bao gồm cả xã, phường, thị trấn, phòng, văn phòng huyện ủy, thành ủy...), tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương là tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

5. Tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương là tất cả các tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

CHƯƠNG II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 4. Mua sắm tài sản công

Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 151/2017/NĐ-CP như sau:

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức, dự toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Tài sản có giá dự toán từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản;

c) Các tài sản có tổng giá dự toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần mua của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

d) Các tài sản có tổng giá dự toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần mua của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có giá dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán các tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần mua của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có giá dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán các tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần mua của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có giá dự toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tổng giá dự toán các tài sản dưới 100 triệu đồng cho một lần mua.

5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

6. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và

chi đầu tư thì Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

7. Trường hợp tài sản mua sắm thuộc danh mục mua sắm tập trung được UBND tỉnh Bắc Giang quyết định thì thực hiện theo trình tự, thủ tục mua sắm tập trung theo quy định.

8. Trường hợp tài sản mua sắm là máy móc, trang thiết bị, vật tư, hoá chất, sinh phẩm y tế thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố thì cơ quan đề nghị là cơ quan y tế cùng cấp.

Điều 5. Thuê tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương có giá trị tiền thuê từ 300 triệu đồng trở lên/năm.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị tiền thuê dưới 300 triệu đồng/năm và quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tiền thuê dưới 300 triệu đồng /năm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện có giá trị tiền thuê dưới 300 triệu đồng/năm.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán được giao quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản theo quy định tại Điều này.

Điều 6. Cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý.

Điều 7. Phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại các tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản là kết quả

của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 8. Thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản thuộc địa phương quản lý gồm:

- a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- b) Xe ô tô;
- c) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc cho một lần thu hồi.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc dưới 500 triệu đồng cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.

Điều 9. Điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản thuộc địa phương quản lý gồm:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- c) Xe ô tô;
- d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản hoặc từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần điều chuyển.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản hoặc dưới 500 cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản hoặc dưới 500 cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.

4. Trường hợp tài sản là máy móc, trang thiết bị, vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế thuộc thẩm quyền điều chuyển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thì cơ quan đề nghị là cơ quan y tế cùng cấp.

5. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản không thuộc

phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này thuộc phạm vi quản lý của địa phương trong các trường hợp còn lại.

Điều 10. Bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản thuộc địa phương quản lý gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi sau khi có văn bản thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Xe ô tô;

c) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần bán.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 250 triệu đồng trở lên đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 500 triệu đồng trở lên đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc dưới 100 triệu đồng cho một lần bán.

Điều 11. Thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

c) Xe ô tô;

d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc từ 01 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh gồm:

a) Tài sản nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt là: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất.

b) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện gồm:

a) Tài sản nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt là: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất.

b) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá, tổng giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá, tổng giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng cho một lần thanh lý.

Điều 12. Tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán hoặc có tổng giá trị

từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần tiêu hủy.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán hoặc có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán hoặc có tổng giá trị dưới 1 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán hoặc có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán hoặc có tổng giá trị dưới 1 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.

Điều 13. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

c) Xe ô tô;

d) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên cho một lần bị mất, bị hủy hoại.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những tài sản công đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi

hành thì được tiếp tục thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện thống nhất theo Nghị quyết này.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
2. Bãi bỏ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang./.

SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐỀ NGHỊ THAY THẾ NGHỊ QUYẾT 09/2018/NQ-HĐND

NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT 09/2018/NQ-HĐND	DỰ THẢO NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT THAY THẾ	LÝ DO
<p align="center">Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công trong phạm vi mua sắm, thuê, cho thuê, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.</p> <p>2. Những nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p align="center">CHƯƠNG I PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công trong phạm vi mua sắm, thuê, cho thuê, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p> <p>2. Những nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, văn phòng huyện ủy, văn phòng thành ủy (là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện), Ban quản lý dự án, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, văn phòng huyện ủy, thành ủy (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p>	
	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là các Sở, ban, tổ chức, đơn vị hoặc tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn</p>	

	<p>vị cấp tỉnh là các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện là tất cả các cơ quan (bao gồm cả xã, phường, thị trấn, phòng, văn phòng huyện ủy, thành ủy...), tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.</p> <p>4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương là tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p> <p>5. Tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương là tất cả các tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p>	<p>- Bao gồm tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, tổ chức, đơn vị... trực thuộc UBND tỉnh</p> <p>- Bao gồm: các cơ quan phòng, ban, hội, trường, xã, phường, thị trấn, văn phòng huyện ủy, thành ủy....</p>
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ</p> <p>Điều 3. Mua sắm tài sản công</p> <p>Căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán hàng năm của các cơ quan, đơn vị:</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc; xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>b) Các loại tài sản có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) cho cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.</p> <p>c) Các loại tài sản có giá mua từ 1 tỷ đồng trở lên trên một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) cho cơ quan, đơn vị thuộc huyện,</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG II QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</p> <p>Điều 4. Mua sắm tài sản công</p> <p>Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 151/2017/NĐ-CP như sau:</p> <p>Căn cứ tiêu chuẩn, định mức, dự toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>b) Tài sản có giá dự toán từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản;</p>	<p>- Phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương.</p> <p>- Căn cứ Khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</p>

<p>thành phố.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với các tài sản còn lại không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố quyết định mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị có giá mua dưới 20 triệu đồng trên một đơn vị tài sản (hoặc lô tài sản).</p> <p>4. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm do thủ trưởng đơn vị quyết định (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).</p>	<p>c) Các tài sản có tổng giá dự toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần mua của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;</p> <p>d) Các tài sản có tổng giá dự toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần mua của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có giá dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán các tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần mua của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có giá dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán các tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần mua của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.</p> <p>4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có giá dự toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tổng giá dự toán các tài sản dưới 100 triệu đồng cho một lần mua.</p> <p>5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.</p> <p>6. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thì Thủ trưởng đơn vị quyết định mua</p>	<p>2017 quy định: <i>“4. Cơ sở hoạt động sự nghiệp là đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập.”</i></p> <p>- Tài sản lớn có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản được quy định tại Điều 2 Quyết định số 8/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh</p> <p>- Căn cứ Khoản 3, Điều 104 Nghị định 63/2014/NĐ-CP quy định: <i>“Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua thuốc, vật tư y tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp</i></p>
--	---	---

	<p>sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.</p> <p>7. Trường hợp tài sản mua sắm thuộc danh mục mua sắm tập trung được UBND tỉnh Bắc Giang quyết định thì thực hiện theo trình tự, thủ tục mua sắm tập trung theo quy định.</p> <p>8. Trường hợp tài sản mua sắm là máy móc, trang thiết bị, vật tư, hoá chất, sinh phẩm y tế thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố thì cơ quan đề nghị là cơ quan y tế cùng cấp.</p>	<p><i>tỉnh là người có thẩm quyền</i>". Để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất thì việc giao Sở Y tế, Phòng Y tế là cơ quan tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện là phù hợp.</p>
<p>Điều 4. Thuê tài sản công</p> <p>Căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán hàng năm của các cơ quan, đơn vị:</p> <p>1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc đối với các cơ quan, đơn vị có giá trị tiền thuê từ 100 triệu đồng/năm trở lên theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được thuê trụ sở làm việc.</p> <p>b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc đối với cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị tiền thuê dưới 100 triệu đồng/năm.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị.</p> <p>3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước</p>	<p>Điều 5. Thuê tài sản công</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương có giá trị tiền thuê từ 300 triệu đồng trở lên/năm.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị tiền thuê dưới 300 triệu đồng/năm và quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tiền thuê dưới 300 triệu đồng /năm.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện có giá trị tiền thuê dưới 300 triệu đồng/năm.</p> <p>4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện căn cứ</p>	

<p>thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.</p>	<p>tiêu chuẩn, định mức và dự toán được giao quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản theo quy định tại Điều này.</p>	
<p>Điều 5. Cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý.</p>	<p>Điều 6. Cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý.</p>	
	<p>Điều 7. Phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước</p> <p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại các tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương.</p>	<p>Căn cứ NĐ 151/2017/NĐ-CP :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm b Khoản 2 Điều 91; - Khoản 3, Điều 91 - Điểm e Khoản 1 <p>Vì vậy, thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh là phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Khoản 3 Điều 94 NĐ 151. Để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong xử lý tài sản thì thẩm quyền quyết định phương án xử lý là Chủ tịch UBND tỉnh là phù hợp.
<p>Điều 6. Xử lý tài sản công</p> <p>1. Thu hồi tài sản công</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản</p>	<p>Điều 8. Thu hồi tài sản công</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản thuộc địa phương quản lý gồm:</p>	<p>Bỏ thẩm quyền thu hồi tài sản là trụ sở làm việc thuộc thẩm quyền của CT UBND tỉnh vì:</p>

<p>là trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p>	<p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>b) Xe ô tô;</p> <p>c) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc cho một lần thu hồi.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc dưới 500 triệu đồng cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.</p>	<p>Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP quy định: Thẩm quyền thu hồi trụ sở làm việc, cơ sở HDSN là UBND tỉnh theo - Và căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 25 Nghị định 129/2017/NĐ-CP quy định “<i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản thuộc phạm vi quản lý thuộc phạm vi địa phương quản lý</i>”</p>
<p>2. Điều chuyển tài sản công</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:</p> <p>Tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý.</p>	<p>Điều 9. Điều chuyển tài sản công</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản thuộc địa phương quản lý gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>c) Xe ô tô;</p> <p>d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản hoặc từ 1 tỷ</p>	<p>Trong thời gian vừa qua, cả nước nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng phải chịu ảnh hưởng rất nặng nề của đại dịch covid-19. Theo điểm i, Khoản 4, Điều 2 Nghị quyết 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ thì</p>

<p>b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc đề nghị Sở Tài chính điều chuyển sang các đơn vị khác ngoài phạm vi quản lý, trừ các tài sản quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p> <p>d) Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý, trừ các tài sản quy định tại các điểm a, b và c khoản này.</p> <p>đ) Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định điều chuyển tài sản nhà nước của các đơn vị trực thuộc, trừ các tài sản quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này.</p>	<p>đồng trở lên cho một lần điều chuyển.</p> <p>2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản hoặc dưới 500 cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản hoặc dưới 500 cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.</p> <p>4. Trường hợp tài sản là máy móc, trang thiết bị, vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế thuộc thẩm quyền điều chuyển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thì cơ quan đề nghị là cơ quan y tế cùng cấp.</p> <p>5. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này thuộc phạm vi quản lý của địa phương trong các trường hợp còn lại.</p>	<p>việc mua sắm máy móc, trang thiết bị, vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế được nêu rõ “<i>Có thể mua sắm tài sản với số lượng cao hơn tiêu chuẩn, định mức nhưng phải đảm bảo phù hợp với phương án, kịch bản ứng phó dịch bệnh và hạn chế tối đa lãng phí, không để xảy ra tiêu cực</i>”. Để đáp ứng được yêu cầu phòng chống dịch trong trường hợp cấp bách cần phải điều chuyển các tài sản ngay sau khi có phương án, kịch bản thì việc giao cho Sở Y tế, Phòng Y tế là cơ quan tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện điều chuyển các tài sản này là phù hợp.</p>
---	--	---

3. Bán tài sản công

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán: Tài sản là trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất bằng văn bản với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; xe ô tô, tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các đơn vị thuộc tỉnh.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý; Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý.

đ) Thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thành phố quyết định việc bán tài sản nhà nước đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản).

e) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

Điều 10. Bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản thuộc địa phương quản lý gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi sau khi có văn bản thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Xe ô tô;

c) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần bán.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 250 triệu đồng trở lên đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 500 triệu đồng trở lên đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.

<p>hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định, trừ tài sản quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này.</p>	<p>5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc dưới 100 triệu đồng cho một lần bán.</p>	
<p>4. Thanh lý tài sản công</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c và Điểm d Khoản 4 Điều này); Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc tỉnh quản lý.</p> <p>b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền quản lý của các đơn vị cấp tỉnh nằm trong mặt bằng thi công các dự án đầu tư xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý.</p> <p>c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; tài sản gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc đã quá thời gian sử dụng theo quy định mà không thể tiếp tục</p>	<p>Điều 11. Thanh lý tài sản công</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>c) Xe ô tô;</p> <p>d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc từ 01 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý.</p> <p>2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh gồm:</p> <p>a) Tài sản nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt là: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>b) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý.</p> <p>3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định</p>	

<p>sử dụng thuộc đơn vị cấp huyện quản lý (trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều này); Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý; Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý.</p> <p>d) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định việc thanh lý tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá dưới 100 triệu đồng; Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý.</p>	<p>thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý.</p> <p>4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện gồm:</p> <p>a) Tài sản nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt là: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>b) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá, tổng giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý.</p> <p>5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá, tổng giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng cho một lần thanh lý.</p>	
<p>5. Tiêu hủy tài sản công</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan liên quan; Tài sản phục vụ hoạt động của dự</p>	<p>Điều 12. Tiêu hủy tài sản công</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh</p>	

<p>án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc tỉnh quản lý.</p> <p>b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản).</p> <p>c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản). Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý.</p>	<p>giá lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán hoặc có tổng giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần tiêu hủy.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán hoặc có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán hoặc có tổng giá trị dưới 1 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán hoặc có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán hoặc có tổng giá trị dưới 1 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.</p>	
<p>6. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xe ô tô, tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc tỉnh quản lý.</p> <p>b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi</p>	<p>Điều 13. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>c) Xe ô tô;</p> <p>d) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên cho một lần bị mất, bị hủy hoại.</p> <p>2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết</p>	

<p>quản lý.</p> <p>c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý.</p>	<p>định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.</p>	
<p style="text-align: center;">Chương III</p> <p style="text-align: center;">TỔ CHỨC THỰC HIỆN</p> <p>Điều 7. Điều khoản thi hành</p> <p>Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, thì Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG III</p> <p style="text-align: center;">TỔ CHỨC THỰC HIỆN</p> <p>Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>Đối với những tài sản công đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện thống nhất theo Nghị quyết này.</p>	
	<p>Điều 15. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.</p> <p>2. Bãi bỏ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.</p>	